



Hung Trung

LUẬT TẠNG, TINH HOA CỦA LỊCH SỬ - VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRONG HÀNH TRÌNH KẾT TẬP VÀ CÙNG CỐ

Trong 45 năm truyền giảng con đường giải thoát, Đức Phật thu nhận rất nhiều đệ tử, có người xuất gia theo Ngài và lập thành Tăng đoàn (Sangha), có người là cư sĩ. Đức Phật để lại cho nhân loại kho tàng tri kiến vô giá gồm nhiều bài thuyết giảng (Sutta - Kinh) cho nhiều đối tượng từ quý tộc đến bình dân, từ giới cư sĩ đến bậc thánh thanh văn. với sự phát triển của Tăng đoàn, giới luật được Ngài chế định để tăng chúng tu tập được thuận lợi (Vinaya - Luật). Ngoài ra, còn nhiều bài giảng, luận - đặc biệt khác đã đúc kết trong bộ A-tỳ-đàm (Abhidhamma). Luật và Kinh là hai tạng kinh điển được kết tập sớm nhất, ngay trong kỳ kết tập kinh văn ngoại thành Rajagaha (Vương Xá).

BÓN KỲ KẾT TẬP KINH ĐIỂN TRONG PHẬT SỬ

Vào ngày thứ hai của tháng thứ tư sau khi Phật bát Niết bàn, một đại hội các vị Tỷ kheo tổ chức ở vùng đồi núi ngoại thành Vương Xá dưới sự bảo trợ của vua A-xà-thế. Mục đích của đại hội là kết tập các bài kinh giảng và các điều luật thành một hệ thống chặt chẽ, nhằm gìn giữ diệu pháp của Thế Tôn cho muôn đời. Tham gia đại hội có 500 vị A-la-hán. Trưởng lão Maha Kassapa (Ma-ha-ca-diếp) chủ trì đại hội. Người có nhiệm vụ trùng tuyên phần Luật được Phật chế định là ngài Upali (Ưu-ba-ly) và phần Kinh được Phật thuyết giảng là ngài Ananda (A-nan-đà).

Trong đại hội kết tập lần thứ nhất, chỉ có hai phần Pháp và Luật được trùng tuyên lại. Một số vấn

đề về giới luật được đem ra thảo luận vì trước khi Thế Tôn nhập Niết bàn, Ngài có bảo Đại đức Ananda rằng: nếu Tăng già muốn sửa đổi một ít giới luật nhỏ, họ có thể sửa đổi. Ngài Ananda vì quá ưu sầu nên không hỏi Đức Phật giới luật nào nhỏ nhất và có thể sửa đổi.

Thành viên đại hội không đồng ý về việc khẳng định giới luật nào là nhỏ. Cuối cùng, trưởng lão Kassapa quyết định không có giới luật nào Thế Tôn đưa ra phải thay đổi và cũng không giới thiệu thêm giới luật mới. Tương truyền, trưởng lão Kassapa nhắc nhở: “Nếu chúng ta thay đổi giới luật, người ngoài sẽ nói rằng đệ tử Sa Môn Gotama thay đổi giới luật trước khi hỏa táng Ngài”.

Sau đại hội, giáo pháp phân chia thành nhiều phần. Mỗi phần ấn định cho một vị trưởng lão và đệ tử ghi nhớ. Giáo pháp truyền khẩu theo truyền thống các học phái đương thời tại Ấn Độ. Kinh và Luật được đọc tụng hằng ngày và hội chúng thường xuyên kiểm chứng với nhau để bảo đảm không có sự thiếu sót hoặc thêm bớt nào[1].

Nhận được sự ủng hộ của các vương quốc trong khu vực, nhiều phái đoàn truyền giáo đi các nơi hoang dã đạo pháp, từ miền Trung Ấn đến mạn Nam và Tây tiểu lục địa Ấn Độ. Ở thời kỳ này, xã hội Ấn Độ xảy ra nhiều biến động, ảnh hưởng đến sinh hoạt Tăng đoàn, nhất là những nơi Phật giáo vừa bén rễ.

Một số tu sĩ đề xuất sửa đổi giới



Nguồn: Learnreligions.com

luật và lễ lối sinh hoạt, trong đó có việc thọ dụng, cất giữ vàng bạc do dân chúng cúng dường[2]. Sự khác biệt trong cách thực hành giới luật khiến Tăng đoàn phải lưu tâm. Khoảng một trăm năm sau cuộc kết tập kinh điển lần thứ I, trưởng lão Yassa và Revata nhóm họp 700 vị A-la-hán tại thành Vaishali để giải quyết tranh chấp về những khác biệt này. Đại hội cũng trùng tuyên kinh điển và kết tập một số bài kinh giảng chưa được đúc kết trước đây. Đó là những cơ sở để thành hình Tiểu Bộ kinh sau này[3].

Đại hội kết tập kinh điển lần thứ hai quyết định giữ nguyên 10 điều giới luật căn bản Phật đã chế định. Tuy nhiên, một số tu sĩ không hài lòng và bắt đầu có khuynh hướng ly khai. Đây là mầm mống đưa đến sự phân chia đầu tiên trong tăng đoàn: bộ phái Trưởng Lão Thuyết Bộ (Sthaviravada) gồm các tu sĩ theo khuynh hướng giữ gìn nguyên vẹn những lời Phật dạy và Đại Chúng Bộ (Mahasanghika) là những tu sĩ cải cách.

Trong vòng vài thế kỷ, hai bộ phái trên đã phát triển thành nhiều bộ phái[4]. Trưởng Lão Thuyết Bộ phân hóa thành ít nhất 12 học phái, gồm: Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Saivativādah), Độc Tử Bộ (Vātsīputriya), Pháp Thượng Bộ (Dharmottariyāh), Hiền Trú Bộ (Dharmatrāyāniyāh), Chánh Lượng Bộ (Sammitiyāh), Mật Lâm Sơn Bộ (Sandagirikāh), Hóa Địa Bộ (Mahisarakāh), Pháp Tạng Bộ (Dharmaguptakāh), Âm Quang Bộ (Kāśyapīyāh), Kinh Lượng Bộ (Sautrāntikāh), Phân Biệt Thuyết Bộ (Vibhajyavada), Xích Đồng Diệp

Đây là mầm mống đưa đến sự phân chia đầu tiên trong tăng đoàn: bộ phái Trưởng Lão Thuyết Bộ (Sthaviravada) gồm các tu sĩ theo khuynh hướng giữ gìn nguyên vẹn những lời Phật dạy và Đại Chúng Bộ (Mahasanghika) là những tu sĩ cải cách.





Nguồn: Forestsangha.org

Bộ (Tamrasatiya). Đại Chúng Bộ lại phân hóa thành Nhất Thiết Bộ (Ekavyavahàrikàh), Thuyết Xuất Thế Bộ (Locottaravavàdinà), Kê Dân Bộ (Kankkutikàh), Đa Văn Bộ (Bàhusrutiyàh), Thuyết Giả Bộ (Prajràptivadinàh), Chế Đa Sơn Bộ (Caityasailàh).

Các bộ phái vừa khuếch trương thanh thế, vừa phản bác luận thuyết của nhau. Đến thời vua Asoka (268-232 TCN), một đại hội Phật giáo lại được tổ chức nhằm xiển dương chánh pháp và bác bỏ những luận điểm không đúng với giáo lý Phật đà. Chủ trì đại hội kết tập kinh điển lần thứ III là ngài Mục Kiền Liên Đế Tu (Moggaliputta Tissa) - thầy của vua Asoka. Ở đại hội này, sự khác nhau giữa các bộ phái nằm ở giới luật và giáo pháp. Ngoài việc trùng tuyên Kinh - Luật, đại hội còn kết tập tạng A tỳ đàm.

Vua Asoka ủng hộ Phân Biệt Thuyết Bộ nên học phái này trở nên mạnh mẽ. Đại hội cũng cử các phái đoàn truyền giáo ra khỏi biên giới Ấn Độ, truyền bá chánh pháp Đức Phật đến lân bang. Trong đó, ngài Mahinda - con trai vua Asoka mang theo Tam tạng kinh điển vừa kết tập đến đảo Sri Lanka.

Đến thế kỷ I TCN, trong cuộc kết tập kinh điển lần thứ IV, trước tình hình nạn đói ở Sri Lanka lan rộng, đe dọa tính mạng nhân dân và các vị tỳ kheo đang giữ gìn giáo pháp Đức Phật bằng hình thức truyền khẩu, đại hội phái Đồng Diệp Bộ quyết định viết lại Tam tạng kinh điển trên lá bối để gìn giữ chánh pháp muôn đời. Ngôn ngữ Prakrit được sử dụng để viết kinh văn, chấm dứt giai đoạn truyền khẩu giáo pháp và

giới luật Phật giáo[5].

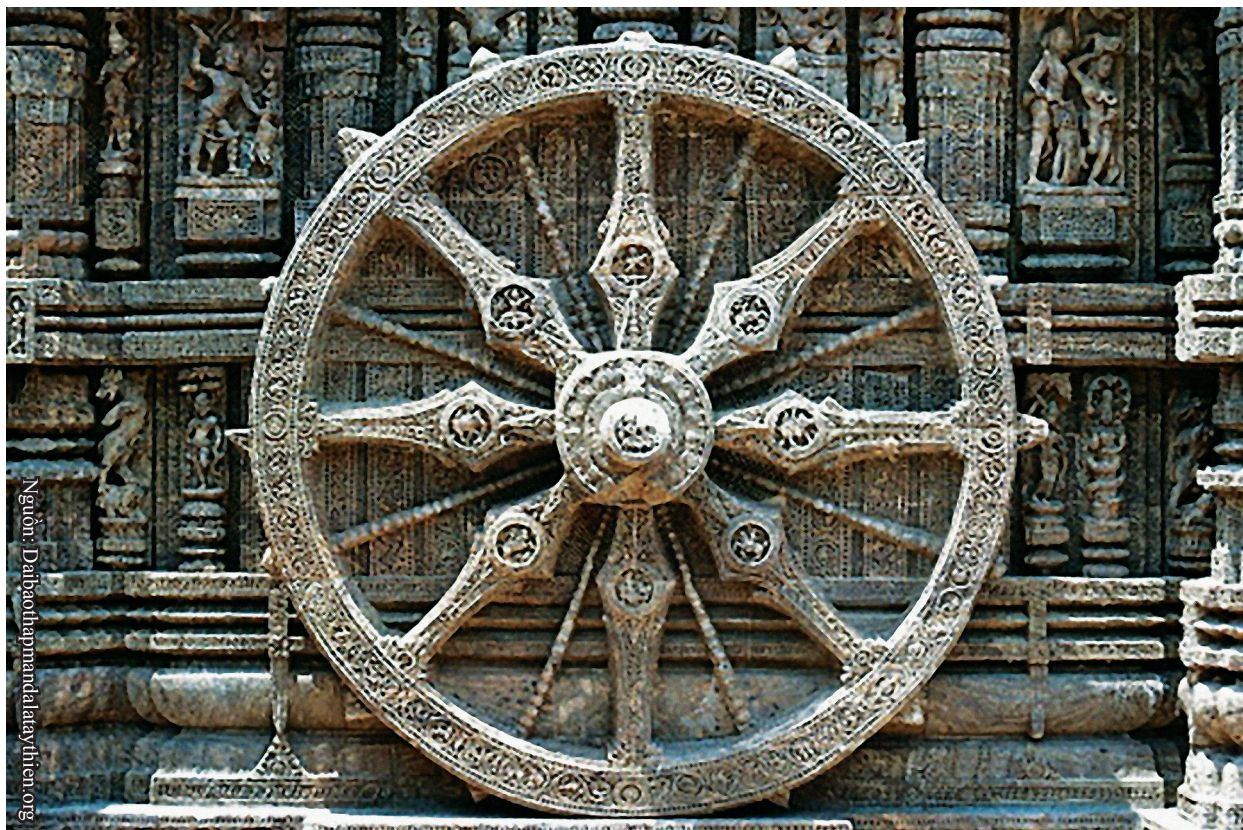
Ngoài cuộc kết tập kinh điển của phái Đồng Diệp Bộ ở Sri Lanka, phái Nhất Thiết Hữu Bộ ở Kashmir cũng tổ chức một cuộc kết tập kinh điển riêng dưới sự bảo trợ của triều đại Kanishka ở Bắc Ấn Độ. Kinh văn của học phái này cùng một số phái khác được bảo lưu và theo các đoàn truyền giáo đến những nước xung quanh, trong đó có Trung Quốc với thành quả là bộ Hán tạng A-hàm.

TÂM QUAN TRỌNG CỦA GIỚI VÀ TINH HOA LUẬT TẠNG

Xuyên suốt các cuộc kết tập kinh điển, giới điều trong Luật tạng là một trọng tâm được các bộ phái Phật giáo rất quan tâm, vì giới “là khởi điểm của các thiện pháp, chính là giới hoàn toàn thanh tịnh”[6].

Từ giới trong tiếng Pali là Sila, không có nghĩa là những điều luật, quy luật, hay những quy tắc buộc con người phải tuân thủ trong nhà trường, cơ quan, tổ chức đoàn thể. Một vài học giả giải thích Sila theo nhiều phương diện khác nhau như: sự hướng dẫn về tư cách đạo đức, phép tắc hành xử, lời dạy, mệnh lệnh, sự ngăn cấm, quy luật, giới hạnh. Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) định nghĩa trong Thanh Tịnh Đạo: “Giới hạnh là những trạng thái bắt đầu bằng sự hiện diện của Tư tâm sở trong một con người xa lánh việc sát sanh (không giết hại chúng sanh) hoặc người thực hành viên mãn các học giới”.

Theo quan điểm Phật giáo, Sila bao gồm 2 nghĩa: giới điều đạo đức (theo phương diện đạo đức)



Nguồn: Darbachtapmandalalay/thien.org

và phong cách cư xử về đạo đức (theo phương diện tu tập). Với nghĩa đầu tiên, nó xuất phát từ lời dạy Đức Phật khuyên con người tránh ác làm lành, tu tập thân khẩu, ý thanh tịnh, diệt trừ tất cả những phiền não tham, sân, si đưa đến sự an lạc giải thoát cho chính mình. Với nghĩa thứ hai, Sila khuyên con người quý mến nhau, thương yêu nhau, thông cảm cho nhau, đoàn kết và giúp đỡ nhau. Sila còn hướng dẫn con người làm thế nào để tu tập và thích nghi với mọi tình huống xã hội hầu mang lại lợi ích, an vui và hạnh phúc thật sự cho mình và người.

Đây chính là ý nghĩa Sila tích cực và năng động trong giới Phật giáo, đóng góp vai trò quan trọng về phương diện đạo đức trong cuộc

**Giới luật (Sila)
còn hướng dẫn
con người làm
thế nào để tu tập
và thích nghi với
mọi tình huống
xã hội hầu mang
lại lợi ích, an vui
và hạnh phúc
thật sự cho
mình và người.**

sống con người và cộng đồng xã hội ngày nay[7]. Bởi tầm quan trọng ấy, quá trình phát triển các bộ phái Phật giáo đã thúc đẩy sự kiến giải các học giới kế thừa từ thời tăng đoàn nguyên thủy. Đến nay, ngoài Luật tạng văn hệ Pali, còn có hai tạng Luật của Pháp Tạng bộ (Phật giáo Đông Á) và Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Phật giáo Tây Tạng và vùng Himalaya) còn lưu trữ nguyên vẹn.

Từ năm 1924, học giả Nhật Bản là Takakusu Junjirō (Cao Nam Thuận Thứ Lang) vận động phong trào xuất bản tam tạng kinh điển Phật giáo. Nhờ công sức của hàng nghìn người trong cả học giới và Tăng Ni, Nhật Bản đã tập hợp và ấn hành bộ Đại chánh Tân tu Đại tạng kinh trong thế kỷ XX. Trong đó, còn lưu giữ một số phần Luật

Sự phong phú của tạng Luật thể hiện Phật giáo không ngừng phát triển và luôn luôn mới mẻ, vừa đáp ứng những thay đổi đời sống, vừa giữ gìn giáo huấn của Thế Tôn

tạng của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ khác như: Âm Quang Bộ, Đại Chúng Bộ, Hóa Địa Bộ và Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ đã được tu chỉnh trong các khảo cứu đương đại. Cấu trúc Luật tạng trong ba tạng Luật hiện thời tương đồng về nội dung căn bản, nhưng có sự khác biệt ở một số điểm phụ.

Trong bản văn hệ Pali, tạng Luật gồm Phân tích Giới bốn Suttavibhanga trình bày Patimokkha của tỳ kheo gồm 227 điều học và tỳ kheo ni có 311 điều học. Khandhaka gồm các vấn đề có liên quan đã sắp xếp thành từng chương và được phân làm hai: Mahāvagga (Đại Phẩm) và Cullavagga (Tiểu Phẩm). Cuối là Parivāra (Tập Yếu) phân tích về giới luật theo các tiêu đề và được trình bày dưới dạng vấn đáp, có thể xem như cuốn cẩm nang hướng dẫn việc hành xử giới luật.

Tại Phật giáo Tây Tạng, tạng Luật ngoài điều học cho Tỳ

kheo, Tỳ kheo ni còn có các tập Vinayavibhanga (giải thích học giới cho Tỳ kheo), Bhikṣunīvinayavibhanga (giải thích học giới cho Tỳ kheo ni), Vinayaksudrakavastu (các chủ đề liên quan), Vinayottaragrantha (tương ứng với Tập Yếu của Phật giáo Nam truyền).

Vùng văn hóa Phật giáo Á Đông sử dụng Tứ Phần Luật. Đây là bản Luật tạng của Pháp Tạng Bộ được dịch vào thời kỳ Phật giáo bắt đầu hưng khởi tại Trung Quốc. Văn bản gồm bốn phần là giới Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, tạng sự và tạp phẩm. Bên cạnh đó, còn có Luật Thập Tụng là bản Hán dịch của Luật tạng Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ gồm: giới Ba-la-di, Bất định, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, Ba-dật-đề; Luật Ngũ Phần của Hóa Địa Bộ; Ma-ha-tăng-kỳ Luật của Đại Chúng Bộ.

Sự phong phú của tạng Luật thể hiện Phật giáo không ngừng phát triển và luôn luôn mới mẻ,

vừa đáp ứng những thay đổi đời sống, vừa giữ gìn giáo huấn của Thế Tôn. Phật nhật tăng huy sẽ không thể có, nếu các thế hệ không gìn giữ giới luật đức Phật ban bố. Dù theo truyền thống Phật giáo nào, cội nguồn phạm hạnh vẫn bắt đầu từ việc tu trì giới luật.

Chú thích:

- [1] K.R. Norman (1983), *Pāli literature: including the canonical literature in Prakrit and Sanskrit of all the Hīnayāna schools of Buddhism*, Wiesbaden: Otto Harrassowitz, p.12.
- [2] Hirakawa Akira (1993), *A history of Indian Buddhism*, Motilal Banarsidass, p.80.
- [3] Samanera Bodhesakho (1984), *Beginnings: The Pali Suttas*, Buddhist Publication Society, p.56.
- [4] Một số tư liệu liệt kê đến hơn 30 bộ phái.
- [5] Thích Viên Giác, “Khái quát lịch sử truyền bá kinh điển và những đặc điểm của Kinh tạng Nikāya”, www.budsas.org, truy cập 17/10/2020.
- [6] Bhaddantacariya Buddhaghosa (Thích Nữ Trí Hải dịch), *Thanh Tịnh Đạo*, I, 10.
- [7] Thích Quang Thạnh, “Tìm hiểu về Giới luật (Sila) trong Phật giáo”, www.budsas.org, truy cập 17/10/2020.